

Trên đời này không có cái gì không mất, có thể xa tít mù khơi đến nỗi đi hàng trăm tỉ lít u, xem hàng ngàn con số vẫn lờn không ra...

Nhưng cũng rất gần như vũng nước trũng nhà sau cửa nhà... Đó là thế ai đi mượn, ai đã cầm cũng không ai biết... Song mọi người trong cuộc gia này đều có nghĩa vụ phải trả. Họ đành xử thì con họ phải trả, con họ bắt trả thì cháu họ phải trả ra mà trả... Đó là nợ công Việt Nam.



Nợ công với Việt Nam

Đời với mọi mặt quốc gia, vốn để nợ công tác động đến các chính sách tài khóa, tiền tệ, an sinh xã hội, thuế giá... Nợ công là nợ sinh ra từ khu vực công. Khu vực công gồm: khu vực nhà nước (trung ương, địa phương), khu vực kinh tế công (có sự góp vốn, góp mặt của nhà nước)... Phải kể là dài dòng ra như vậy để thấy rằng có nhiều công ty quốc doanh thành công ty trách nhiệm hữu hạn, nhưng khi công ty phá sản, nhà nước không thể phải tay vịn trách nhiệm nợ của các

công ty này. Do đó Việt Nam, nhà công là một “độc sản” của Việt Nam – không thể tìm thấy ở Thái Lan, Philippin... và rất nhiều nước trên thế giới. Nghĩa là vốn đầu tư công của Việt Nam tăng rất nhanh ngay từ khâu đầu tiên, đầu tiên nghĩa thế nào là nhà công. Đây là nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt về tỷ lệ GDP trong năm 2009 giữa Việt Nam công bằng là 41% với Ngân hàng Thế giới (WB) là 47%, mà năm trước cũng vậy và năm nay vẫn chưa khác.

Một thế giới bí và một

Kinh tế và tài chính của Hy Lạp là một ca nghiên cứu kinh điển của nhiều chuyên gia kinh tế, lý giải quá trình hình thành và các diễn biến của kinh tế và tài chính này từ rất nhiều công sản. Tỷ lệ GDP của Hy Lạp có khoảng 113% – không quá lớn so với nhiều quốc gia khác – thì sao lâm vào kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy: chính các hành vi dè dặt trong thế giới của Hy Lạp đã làm giảm đầu tư quốc tế một niềm tin, dân chúng trong nước bắt đầu tác động Hy Lạp rơi vào vòng xoáy bất ổn kinh tế. Mặc dù năm ngân sách năm 2008 của Hy Lạp công bằng là 5%, nhưng năm nay phát hành lên đến 14%. Bởi vì Hy Lạp là bài học điển hình của chế độ tăng trưởng tham vọng chính trị lên trên thế giới kinh tế. Tổng cục Thuế kê Việt Nam thu về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhưng công tác thuế kê tài chính lại hoàn toàn do Bộ Tài chính làm. Bên cạnh những con số thu về “bí” vì chưa bao giờ được tính toán ra, lại có quá nhiều con số thu về “mật” nên chúng tôi trình công khai được. Thế giới bí và một đã dẫn đến chuyển các công chức hầu như trách cũng chúng biến nước ngoài lấy đầu ra các số liệu về kinh tế Việt Nam, “chuyển trong nhà cửa tại, ngoài ngõ đã hay” ở trường hợp này thế hiện rất chí lý. Có thể nói về thế giới bí và một, tháng 5/2011 Tổng cục Thuế kê hợp báo tuyên bố về việc áp dụng Hợp thuế chế tiêu quốc gia mới bao gồm 350 chế tiêu và nhóm chế tiêu. Đáng chú ý, Tổng cục này cũng công bố luôn là số chế trình bày 297 chế tiêu ngay trong năm 2011 và toàn bộ các chế tiêu thì đi đến... đến năm 2015. Để cập đến vốn đầu tư số liệu như vậy để có một cái nhìn chính xác hơn về con số của Việt Nam.

Xuất phát từ các số số liệu hơn đến, thế trường Việt Nam hay phát ra những tín hiệu đi về với giới tài chính quốc tế là bất thường, diễn biến và lúng. Tuy nhiên họ cũng hiểu rằng các yếu tố tâm lý tác động rất nhiều đến thế trường Việt Nam, vốn đầu tư đây không phải là tâm lý đám đông mà là niềm tin – niềm tin của người dân vào đồng nội tại. Vì một lòng tin vào tiền đồng nên người dân đã chuyển tiền từ kim cương sang các tài sản khác an toàn hơn như vàng và bất động sản. Can thiệp bằng các biện pháp hành chính chế làm cho tình hình tệ hơn thêm; chúng ta nhìn thấy “tin đồn” của kinh doanh vàng trong thế gian vừa qua. Qua bài học Hy Lạp, giảm đầu tư và thế giới tại rất nhiều cảm với lợi ích của thế giới minh bạch của chính quyền đi vay. Khi tính toán không đúng, không thể có thế trường luôn ở chế của số khu vực tại, thế giới thì chỉ trong chi trả. Khi đã một uy tín thì các khoản nợ dài hạn sẽ nhanh chóng chuyển thành nợ ngắn hạn, các chế số sàng lọc ngay 100 triệu USD thay vì 1 tỷ USD mà phải đi 40 năm.

Nhà công và nhà nước ngoài

Những số liệu khi nhắc đến công bố trong nhà chức trách bên nước, vô giá trị trong việc tái dựng toàn cảnh thực trạng nhà công Việt Nam. Những dữ kiện các số liệu bên ngoài là cách biệt để chỉ khi bàn chuyển nội tình, song tính đến thời điểm hiện nay, đó là phương cách đáng kể tin cậy.

Theo tạp chí kinh tế The Economist, tính thời điểm 8h10' ngày 1/9/2011 theo giờ Việt Nam, có các số liệu sau:

- Tổng nhà công của Việt Nam: 44,795 tỉ USD (2009), 50,294 tỉ USD (2010), 56,061 tỉ USD (2011).
- Nhà công tính trên bình quân mỗi người Việt Nam: 516,62 USD (2009), 574,28 USD (2010) và 633,95 USD (2011).
- Nhà công/GDP: 50,7% (2009), 51,7% (2010) và 50,9% GDP (2011) (1).

Để chi tiết về Factbook của CIA, ghi nhận về Việt Nam như sau:

- Nhà công/GDP: 49,8 % (2009). Năm 2010, thời điểm nhà công/GDP: 57,10%, Việt Nam đứng hàng thứ 41/133 quốc gia và lãnh thổ (2).

Nhà nước ngoài chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nhà công ở Việt Nam. Theo số liệu không chính thức từ WB năm 2010, bao trùm lên 42,2% GDP nhà nước ngoài là khoản nhà công của Việt Nam chiếm 56,6% GDP. Căn cứ theo số liệu về nhà nước ngoài của Bộ Tài chính Việt Nam công bố trong bản tin số 7, có thể tính ra nhà công của Việt Nam đến cuối năm 2010: khoảng 59,1 tỉ USD.

Vấn đề nhà công ở Việt Nam đang trong tình trạng mất mê hồn trận, bởi đến nay không hề có một chỉ số nào thể hiện tỷ lệ vay nợ và trả nợ đến công bố mà các số liệu như: bản đồ thuế. Khi trả lời về gánh nặng ngân sách sẽ tăng lên theo nghĩa vụ nợ, một quan chức có thẩm quyền phát biểu: “năm nay chúng ta trả nợ 1,5 tỉ USD tương đương với 15% thu ngân sách chi ngân hàng. Năm sau chúng ta trả nợ 2 tỉ USD cũng tương đương 15% thu ngân sách... Tức là khi quy mô nền kinh tế chúng ta lớn thêm, thu ngân sách chúng ta to lên thì việc tăng mức trả nợ sẽ không có áp lực hay vấn đề gì cả” (3). Nghe thì thật sự đáng tai hại nhưng... ông ấy đã nói rõ tất cả những điều. Chẳng hạn ông ấy nói đâu ra quan điểm này, một khi thực tế là tốc độ tăng trưởng đang

giảm, hàng s ICOR của Việt Nam đang cao ngót ngẹt ng.

Riêng về nợ nước ngoài, để chi u về Factbook của CIA, thấy ghi nhận về Việt Nam như sau:
- Nợ nước ngoài: 28,67 tỷ USD (2009). Năm 2010, nợ nước ngoài là: 32,81 tỷ USD. Việt Nam đứng hàng thứ 63 trên thế giới (4).

Thời gian vừa qua, có hàng loạt thông tin đưa ra hai con số: 42,2% GDP và 32,5 tỷ USD về số nợ nước ngoài của Việt Nam. Số là sai lầm nếu cho rằng: nợ nước ngoài của Việt Nam là: 32,5 tỷ USD; con số đó phải là: 44,1 tỷ USD ! Đây là con số tổng nợ nước ngoài bao gồm: nợ khu vực công (nợ của chính phủ + chính phủ bảo lãnh) + nợ thương mại của các doanh nghiệp trong nước. Trong tổng nợ này, riêng nợ nước ngoài của khu vực công là: 32,5 tỷ USD. Tất nhiên, đây chỉ là một con số tổng nợ nước ngoài để so sánh với Việt Nam.

Cần cập nhật tin nợ nước ngoài số 7, về các chủ nợ tính đến 2010: trong nhóm chủ nợ song phương, nợ cho Việt Nam vay nhiều nhất là Nhật với 9,547 tỷ USD, thứ hai là Pháp với 1,167 tỷ USD, thứ ba là Nga với 568 triệu USD, thứ tư là Trung Quốc với 551 triệu USD. Trong nhóm chủ nợ đa phương: đứng đầu là IDA (Hiệp hội Phát triển Quốc tế) với 6,930 tỷ USD, kế tiếp là ADB (Ngân hàng Phát triển châu Á) với 4,174 tỷ USD (5).

Độc biết là tất cả các tài liệu trong cũng như ngoài nước, hoàn toàn không thấy nơi nào ghi đích danh con nợ. Trên website của The Economist trang ghi nhận số liệu nợ công các quốc gia, bên dưới thấy loáng thoáng vài dòng giới thích: “chính phủ nợ tiền về công dân của chính họ, chỉ không phải về người sao Hỏa”. Và “khi nợ tăng nhanh hơn số năng lực kinh tế thì có nghĩa: số cần thiếp của nhà nước vào nền kinh tế số nhiều hơn và thu trong tương lai sẽ cao hơn” (6). Tất cả những công dân trong quốc gia đó chính là con nợ của các khoản vay nước công. Nhưng trên chính tiền thu của người dân và tài nguyên quốc gia.

Lo ngại về nợ công là một cảm xúc chính đáng, bởi phải biết rằng giới quy định dốt đời m nợ công là ý kiến không thông minh. Trong khi đó lãi suất trung bình nợ nước ngoài của chính phủ lại có xu hướng tăng nhanh, từ 1,54%/năm (2006), lên 1,9%/năm (2009) và đến 2,9%/năm (2010). Một khi lạm phát thâm hụt ngân sách bắt đầu ra thì nguy cơ về nợ liên tục tăng lên. Thế cần cho thấy chỉ có thể làm cho giá trị nợ công trở nên “nhỏ” hơn khi xét trong tổng thể về GDP bằng cách đẩy GDP tăng lên. Đó là trường hợp của nước M giai đoạn 1946 – 1956, từ đó nợ công so với GDP giảm xuống còn một nửa trong vòng 10 năm. Và đây là câu chuyện ngày xưa và thời kỳ trước...

Các vấn đề liên quan nợ công

So sánh tổng nợ nước ngoài với GDP là nhóm so sánh nợ với những gì mà quốc gia làm ra, để xác định khả năng trả nợ của quốc gia đó. Trong nợ công còn có phần quốc hữu trí – đây là cách tính nợ công tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc, vấn đề này hiện nay bỏ bỏ khi tính nợ công Việt Nam. Chính chủn câu chuyện này sẽ nóng vào năm 2017: thời điểm Việt Nam thành quốc gia có dân số già, tới 10% dân số sẽ từ 60 trở lên. Cách tính khác biệt này lý giải tại sao có nhiều nước phát triển có tỷ lệ nợ công/GDP đến 80 – 90%/GDP, trong khi rất nhiều nước khác như: Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc... và Việt Nam có tỷ lệ nợ công/GDP xoay quanh mức 50% – mà WB lại khuyến cáo.

Còn phải khẳng định rõ vay nợ nước ngoài không phải là điều gì xấu. Các nước đang phát triển và phát triển trên thế giới đều có vay nợ nước ngoài. Vay nợ nước ngoài chủ yếu nên đáng kinh tế khi ai đó (?) đang chuyển công vào việc tốt, đem nợ công xoay ra thành tài sản cá nhân nhà mình. Thế nhưng tình trạng nợ công khiến người ta lo ngại vì chính quyền đã bỏ chi ngân và vay mượn quá nhiều trong khi chưa hề có một luật để minh bạch nào nhằm chuyển chi tiêu xài vô tội vạ này. Tình trạng bỏ chi ngân sách đã diễn ra trong nhiều năm: 5% GDP (2005 – 2008), 6,9% (2009) và 5,6% (2010).

Nếu hiểu theo đúng quá trình tăng nợ là việc tích số của nền kinh tế, với mức thù Việt Nam, có khoảng 30% nợ công đã không trở thành tài sản mà đã trôi đi đâu đó... (7). Tỷ lệ thoát của các công trình đầu tư nhà nước được chia cho tổng chi tiêu chính thức (không chính thức) là từ 15% đến 45%. Với số nợ nước ngoài công bố năm 2009 là 29 tỷ USD, có thể thấy phần thoát là từ 4 tỷ USD đến khoảng 10 tỷ USD (8).

Chỉ số ICOR

Trong lãnh vực nợ công Việt Nam, cách hành xử công nợ là vấn đề quan trọng nhất. Tuy cách hành xử này nảy sinh định nghĩa về nợ của Việt Nam “độc thù” so với quốc tế, thì đây vẫn là một tình trạng lại gần: nợ công trở thành một rào cản lớn của kinh tế Việt Nam. Chính có gì quá đáng khi cho rằng rào cản nợ công Việt Nam có thể vượt tầm phát và thế giá. Thế nhưng chính từ việc thu xếp cho mục đích tạo ra môi trường phát triển kinh tế, không thể làm ngược lại: bỏ hoặc nền kinh tế theo hướng nuôi dưỡng một thế hệ chính trị. Chính những nền kinh tế được dùng để các thế hệ chính trị được tài lộc luôn chứa đựng nguy cơ đổ vỡ hoặc thậm chí gặp các cú shock kinh tế. Thế nhưng bí và một vài các số liệu nợ công là hành vi ngạo mạn, trịch thượng của chính quyền hiện hành đối với nhân dân. Bằng việc công bố trên gói thiêu di sản các khoản nợ vay hàng

vài chục tỷ USD, chủ đầu tư mua sắm pháp hóa các khoản bị n th c a công. Qua v n đ n công, ng i ta càng có d p hi u rõ th nào là m t ch đ cai tr b ng hành vi tr m c p, m t ch đ kleptocracy.

T con số tuy t đ i n công không ph n ánh h t đ c m c đ nghiêm tr ng, đ i u quan tr ng hàng đ u trong v n đ n công n m ch : hi u qu x đ ng đ ng v n vay. T c liên quan đ n ch s ICOR (Incremental Capital – Output Rate), đo l ng hi u qu đ u t . ICOR càng cao thì ch ng t hi u qu đ u t càng th p. Ch s ICOR năm 2010 là 6,9, nói đ n gi n là ph i b ra 6,9 đ ng v n đ u t m i đ c 1 đ ng tăng tr ng; trong khi đó Trung Qu c là 4,1, Nh t là 3,2, Hàn Qu c là 3,2, Đài Loan là 2,7 (9). Ch s này cao h n nhi u so v i khuy n cáo c a WB: đ i v i m t n c đang phát tri n, ch s ICOR m c 3 là đ u t có hi u qu và n n kinh t phát tri n theo h ng b n v ng. So sánh v i các n c trong khu v c, ICOR c a Vi t Nam g n g p đôi. Riêng năm 2008, ch s ICOR chung c a n n kinh t Vi t Nam là 8, thì ICOR c a khu v c kinh t nhà n c lên t i 12 – thu c h ng cao nh t th gi i. R i sang sang 8 tháng đ u năm 2009, t ng s v n chi cho khu v c này t ng đ ng v i c năm 2008. Ph i nêu rõ ra nh v y m i th y h t đ c b n ch t tiêu c c c a m ng kinh t qu c doanh đang chi m vai trò ch đ o Vi t Nam; cũng nh đ a ch các kho n n công đ n. Nên trong đ i th ng, n công nh m t bóng ma gi a ban ngày ch ng có m y ai th y, nh t là nh ng ng i dân bình th ng. B i đ n gi n là c n khát đ u t c a các c quan nhà n c và khu v c kinh t công đã u ng m t các kho n n công này.

Nh ng đ i n bi n ph c t p v n công có th t o ra nh ng hi u ng không l ng tr c. Ch ng h n xu h ng m t giá c a đ ng n i t đang đ i n ra liên t c và ngày càng nghiêm tr ng cũng khi n kho n n n c ngoài không ng ng phình ra. Đ u tháng 8/2011, h ng đánh giá tín d ng toàn c u Fitch Ratings nói n b ng ti n đ ng và ngo i t c a Vi t Nam có m c kh tín B+. Đây là m c ngang v i Mông C và Venezuela nh ng thua Philippines và Indonesia (10). Fitch còn cho r ng, n công Vi t Nam v t ng ng 50% GDP là cao h n m c trung bình 37% đ i v i h ng B (11). Ngày 19/8/2011, h ng đ nh m c tín nhi m Standar & Poor's h m t b c đi m tín nhi m n công Vi t Nam t BB xu ng BB-, m c th p nh t so v i các n c Đông Nam Á, ch ngang b ng v i Bangladesh và Mông C . Khi ni m tin m t, m i th s s p đ r t nhanh. K i u đ i u hành vĩ m c a ch đ đã khi n các nhà đ u t hoang mang, h không hi u chính quy n Vi t Nam mua cái gì gi a duy trì tăng tr ng và n đ nh vĩ mô.

Th i gian qua có quá nhi u bình lu n xung quanh v n đ n c a M , khi n cho c T ng th ng M cũng liên t c “phân bua” v v i c này. Cu i cùng h ng S&P làm thêm cú knock out quá h p, h đi m tín d ng Hoa K ... Nh ng nh ng n c nh Trung Qu c và Vi t Nam thì th phào nh nh m, ch c ch n r ng s không h có nh ng cu c tranh cãi r t là “linh tinh” nh trên. Vi t Nam c bình tĩnh đi vay, nh ng doanh nghi p đ c nhà n c đ đ u càng tho i mái h n – b i trong h th ng lu t không h có b t k m t quy đ nh nào v m c n t i đa mà chính quy n có th đi vay. Nh Trung Qu c hi n đang n i danh là qu c gia ch n c a M . Song m c n th c

Số của Trung Quốc là bao nhiêu thì ngay cả chính quyền Trung Quốc cũng khó đưa ra được con số chính xác về lãnh vực này. Việt Nam cũng vậy, cách để phổ biến niềm tin và tình trạng nền công là có giữ bí mật đi các khoản nợ. Khi tỷ lệ nợ/GDP lên hơn 40% là đáng nghĩa chính sách tài giá bất ổn định hàng loạt. Trong việc chi trả nợ công, đáng ngại là đóng vai trò các khoản quan trọng. Với lượng nợ trả ngoại tệ thấp (tổng nợ ngoại tệ đã 2 tháng nhập khẩu), ngân hàng (NH) Nhà nước không đủ khả năng hỗ trợ cho đáng ngại là. NH Nhà nước đã dùng các mệnh lệnh hành chính để cái “nhầm và bất khả thi” này xuống các NH thương mại và cộng, mà lẽ ra phải cho vay tổng nợ ngoại tệ là làm phát triển hiện đáng ngại thái độ cây này. Các mệnh lệnh hành chính mới nhất để chống tỷ lệ nên mất trong các kế hoạch bên ngoài o giặc như sau: tình trạng làm phát triển nguỵ nên lẽ ra phải giảm trong tháng 9 rồi mới chuyển quay trở lại như cũ – thậm chí làm phát triển mệnh lệnh – trong tháng 10/2011. Số này mùa điền độ của chính sách tiền tệ không thể che giấu được những khu vực tốt trong chính sách tài khóa.

Đến nay các đồng báo và thông tin lại kinh tế thế giới ra không mấy lạc quan: triển dài tiếp tục “có thể xảy ra đợt suy giảm không quá nghiêm trọng” đến “đã bước chân vào một vòng suy thoái mới”. Kinh tế của 3 khối Mỹ, châu Âu và Nhật Bản đều trì trệ, đáng nghĩa và vì việc xuất khẩu sẽ càng vượt hơn. Còn với một đồng nghiệp: xác suất xảy ra khủng hoảng toàn cầu hiện nay là trên 50%. Quan điểm lạc quan nhất thì cho rằng cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới sau khủng hoảng 2008 – 2009 có thể sẽ mang hình chữ W thay vì chữ V.

Kết luận

Trong bối cảnh dân chúng không tin đáng ngại là, nhà đầu tư quốc tế nghi ngờ chính sách quốc gia thì công nợ nên kinh tế đã rất cần kế hoạch. Thước chốt những vấn đề nên thâm hụt cán cân thương mại, hệ thống ngân hàng kém bền vững, lượng nợ trả ngoại tệ yếu... kể cả làm phát triển cũng chỉ là những “rủi ro nhất thời” – đều có thể vượt qua – so với quốc nợ một niềm tin. Bởi xét đến cùng, làm phát triển là một bí ẩn hiện của khủng hoảng kinh tế; còn tại hạ một niềm tin lại là bí ẩn hiện của một khủng hoảng lớn hơn: khủng hoảng xã hội – cái không gian của đáng ngại những vấn đề hành của nên kinh tế yếu. Bởi ra bên ngoài để bắt cá lớn là một khu vực tích cực, bởi chúng ta có thể ép họ để khi mình phải bị ra bên ngoài; hoặc chúng ta vì tiếp cận phần còn lại của khu vực khi đã “tích cực” kia: bởi ra bên ngoài để bắt cá lớn, những người của bí mật bởi thì sẽ ... chết lớn!

Nếu xét mức công bình quân đầu người trong vòng 8 năm (2001 -2009), số thay đổi mức này đã tăng gần 4 lần, tức trung bình hơn 18%/năm; trong khi tốc độ tăng GDP bình quân đầu người của cùng thời kỳ chỉ là 6%/năm. Đáng và những người quốc gia đi với các khoản nợ nên ngoài, ngày nào đó sẽ còn xem đó là nợ của anh Ba, chú Tí hoặc của người sao Hỏa... thì nhân dân Việt Nam sẽ còn trả nợ dài dài. Rồi mấy đứa con cháu mình vẫn chưa hết nợ, mất

khi, chúng ta không giữ quy t xong c c n đang ng i ch m h m Ba Đình kia.

Bangkok, Ngày 2/9/2011

© Nguyễn Việt

Chú thích:

(1), (6) http://www.economist.com/content/global_debt_clock

(2), (4)

<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/vn.html>

(3) Ông Nguyễn Thành Đô – C c tr ng C c Qu n lý n và Tài chính đ i ngo i (B Tài chính).
V này cũng là Tr ng Ban Biên t p B n tin N n c ngoài.

<http://vneconomy.vn/20110817112939199P0C5/ca-phe-cuoi-tuan-nong-chuyen-vay-nuoc-ngoai.htm>

(5) Bi u s 4.04, B n tin n n c ngoài s 7.

(7)<http://vneconomy.vn/20110829050653953P0C6/rui-ro-no-cong-co-the-vuot-lam-phat-va-ty-gia.htm>

(8)<http://vneconomy.vn/20101211021246386p0c9920/no-cong-vay-va-tra.htm>

(9) Theo Tài n s Tr n Đình Thiên, Vi n Kinh t Việt Nam.

<http://www.sgtt.com.vn/Kinh-te/126489/Chi-so-ICOR-VIET-NAM-dan-dau.html>

Con s này t ng đ ng v i m t ngu n t Ngân hàng Nhà n c: ch s ICOR năm 2010 là 6,2.
<http://sbv.gov.vn>

(10)http://www.bbc.co.uk/vietnamese/business/2011/08/110809_vietnam_rating.shtml

(11)<http://vneconomy.vn/2011081111112859p0c6/fitch-khuyen-nghi-viet-nam-tiep-tuc-that-chat-tien-te.htm>

Tham kh o:

- Dainamax Magazine

<http://www.dainamax.org/>

- Economist Intelligence Unit. Các báo cáo: Country Forecast Vietnam Aug 2011 (16 p.), Country Risk Service Vietnam Aug 2011 (23 p.), Country Report Vietnam Aug 2011 (24 p.).

- ACB, Asian Development Outlook 2011: South-South Economic.

- Bản tin nội bộ ngoài số 7, Báo Tài chính, tháng 7/2011, 36 trang